

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC  
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 11/2013/TT-NHNN

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013

## **THÔNG TƯ**

**Quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở  
theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Nhà ở ngày 29 tháng 11 năm 2005;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2008 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Căn cứ Nghị định số 71/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu và Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2013;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng;*

*Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ.*

### **Chương I**

#### **QUY ĐỊNH CHUNG**

##### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

###### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

a) Thông tư này quy định về cho vay hỗ trợ nhà ở từ nguồn tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu và Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ về phiên họp thường kỳ Chính phủ tháng 3 năm 2013;

b) Ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ (sau đây gọi là ngân hàng) dành một lượng vốn tối thiểu 3% tổng dư nợ cho vay tại thời điểm cuối năm trước để cho vay các đối tượng được quy định tại điểm a khoản 2 Điều này. Đối với các khoản cho vay không từ nguồn hỗ trợ tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước, ngân hàng thực hiện cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành với lãi suất và thời hạn phù hợp với khả năng trả nợ của khách hàng và tình hình tài chính của ngân hàng.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối tượng vay vốn (sau đây gọi là khách hàng) bao gồm:

- Các đối tượng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m<sup>2</sup>, giá bán dưới 15.000.000 đồng/m<sup>2</sup> được quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 05 năm 2013 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc xác định các đối tượng được vay vốn hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 07/2013/TT-BXD (nếu có);

- Doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội, doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án nhà ở thương mại được chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội do Bộ Xây dựng công bố trong từng thời kỳ (sau đây gọi là doanh nghiệp).

b) Ngân hàng cho vay theo quy định tại Thông tư này bao gồm:

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam;
- Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam;
- Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam;
- Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long.

c) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 2. Nguyên tắc cho vay hỗ trợ nhà ở**

1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện tái cấp vốn để hỗ trợ cho các ngân hàng cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư này. Việc giải ngân cho vay hỗ trợ nhà ở của ngân hàng đối với khách hàng từ nguồn tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước kết thúc khi Ngân hàng Nhà nước giải ngân hết số tiền tái cấp vốn, nhưng tối đa là 36 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Ngân hàng thực hiện cho vay đối với khách hàng theo quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng và các quy định tại Thông tư này. Ngân hàng có trách nhiệm xem xét, thẩm định, quyết định cho vay đối với khách hàng và chịu trách nhiệm về quyết định cho vay của mình.

3. Khách hàng có trách nhiệm sử dụng vốn vay đúng mục đích và hoàn trả đầy đủ gốc, lãi đúng hạn cho ngân hàng theo hợp đồng tín dụng.

4. Ngân hàng cho vay các doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội trên cơ sở danh mục do Bộ Xây dựng công bố trong từng thời kỳ. Tổng mức cho vay của các ngân hàng đối với doanh nghiệp chiếm tối đa 30% nguồn tái cấp vốn hỗ trợ nhà ở quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

## **Chương II**

### **CHO VAY HỖ TRỢ NHÀ Ở CỦA NGÂN HÀNG**

#### **Điều 3. Điều kiện cho vay**

Ngoài các điều kiện cho vay theo quy định của pháp luật hiện hành về cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng; quy định tại Thông tư số 07/2013/TT-BXD ngày 15 tháng 05 năm 2013 của Bộ Xây dựng và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 07/2013/TT-BXD (nếu có), khách hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

1. Đối với khách hàng cá nhân vay để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và thuê, mua nhà ở thương mại có diện tích nhỏ hơn 70 m<sup>2</sup>, giá bán dưới 15.000.000 đồng/m<sup>2</sup>:

a) Có hợp đồng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; hợp đồng thuê, mua nhà ở thương mại với chủ đầu tư;

b) Có mục đích vay vốn để trả khoản tiền chưa thanh toán mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; thuê, mua nhà ở thương mại theo quy định tại Thông tư này đối với các hợp đồng đã ký với chủ đầu tư kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2013;

c) Có đề nghị vay vốn để mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội; thuê, mua nhà ở thương mại và cam kết khách hàng, các thành viên trong hộ gia đình của khách hàng chưa được vay vốn hỗ trợ tại ngân hàng để mua, thuê, thuê mua nhà ở theo quy định tại Thông tư này;

d) Có đủ vốn tối thiểu tham gia vào phương án vay theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Đối với khách hàng doanh nghiệp:

a) Là doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 1 Thông tư này;

b) Có mục đích vay vốn để trả các chi phí chưa thanh toán phát sinh kể từ ngày 07 tháng 01 năm 2013 (không bao gồm chi phí thuế) để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội theo quy định tại Thông tư này;

c) Có đủ vốn tối thiểu tham gia vào dự án, phương án vay theo quy định tại khoản 3 Điều này;

d) Có cam kết chưa được vay vốn hỗ trợ tại ngân hàng để thực hiện dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội theo quy định tại Thông tư này.

3. Ngân hàng quy định cụ thể mức vốn tối thiểu của khách hàng tham gia vào dự án, phương án vay nhưng không vượt quá 20% phương án vay đối với khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này và không vượt quá 30% tổng mức đầu tư của dự án, phương án vay đối với khách hàng quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp khách hàng thuê mua nhà ở xã hội đã thanh toán đủ 20% giá trị căn nhà thuê mua thì ngân hàng không quy định mức vốn tối thiểu.

#### **Điều 4. Mức lãi suất cho vay**

1. Mức lãi suất cho vay hỗ trợ nhà ở của ngân hàng đối với khách hàng được Ngân hàng Nhà nước công bố hàng năm và áp dụng cho các khoản vay có dư nợ trong năm.

2. Mức lãi suất áp dụng trong năm 2013 là 6%/năm.

3. Định kỳ vào tháng 12 hàng năm, Ngân hàng Nhà nước xác định và công bố lại mức lãi suất áp dụng cho năm tiếp theo, bằng khoảng 50% lãi suất cho vay bình quân của các ngân hàng trên thị trường nhưng không vượt quá 6%/năm.

4. Thời gian áp dụng mức lãi suất cho vay nêu tại Điều này tối đa 10 năm đối với khách hàng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và thuê, mua nhà ở thương mại và 5 năm đối với khách hàng là doanh nghiệp, nhưng không vượt quá thời điểm 01/06/2023.

#### **Điều 5. Thời hạn cho vay**

1. Thời hạn cho vay đối với khách hàng mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội và thuê, mua nhà ở thương mại tối thiểu là 10 năm. Trường hợp khách hàng có nhu cầu vay dưới 10 năm thì khách hàng được thỏa thuận với ngân hàng thời hạn cho vay thấp hơn thời hạn cho vay tối thiểu.

2. Thời hạn cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp tối đa là 5 năm.

#### **Điều 6. Biện pháp bảo đảm tiền vay**

Ngân hàng xem xét và quyết định việc cho vay có bảo đảm hoặc không có bảo đảm bằng tài sản theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 7. Phân loại nợ và xử lý rủi ro**

Việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro đối với các khoản cho vay hỗ trợ nhà ở theo Thông tư này được thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

### **Chương III**

## **TÁI CẤP VỐN CHO VAY HỖ TRỢ NHÀ Ở**

### **Điều 8. Tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước**



1. Ngân hàng Nhà nước thực hiện giải ngân khoản cho vay tái cấp vốn khoảng 30.000 tỷ đồng đối với ngân hàng trên cơ sở dư nợ cho vay của ngân hàng đối với khách hàng, nhưng tối đa là 36 tháng kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành. Tổng số tiền tái cấp vốn cụ thể do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định.

2. Lãi suất tái cấp vốn:

a) Lãi suất tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước đối với ngân hàng thấp hơn lãi suất cho vay của ngân hàng đối với khách hàng là 1,5%/năm tại cùng thời điểm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất tái cấp vốn trong hạn;

b) Định kỳ vào ngày làm việc đầu tiên hàng tháng, ngân hàng có trách nhiệm trả lãi tái cấp vốn của tháng trước liền kề cho Ngân hàng Nhà nước.

3. Thời hạn tái cấp vốn: trừ trường hợp thu nợ tái cấp vốn theo thông báo của Ngân hàng Nhà nước quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, thời hạn tái cấp vốn cho vay hỗ trợ nhà ở từng lần là 364 ngày và tự động được gia hạn đối với dư nợ tái cấp vốn còn lại tại thời điểm đến hạn thêm 01 (một) thời gian bằng thời hạn tái cấp vốn lần đầu. Việc tự động gia hạn được thực hiện tối đa kéo dài đến ngày 01/6/2023. Dư nợ còn lại của khách hàng tại ngân hàng sau ngày 01/6/2023 được chuyển sang hình thức cho vay bằng nguồn vốn của ngân hàng.

4. Giải ngân và thu nợ tái cấp vốn: hàng tháng, căn cứ vào kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở của ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước thực hiện giải ngân hoặc thu hồi nợ tái cấp vốn đối với ngân hàng, bảo đảm dư nợ tái cấp vốn của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước không vượt quá dư nợ cho vay của ngân hàng đối với khách hàng tại thời điểm giải ngân hoặc thu hồi nợ tái cấp vốn.

5. Quy trình, thủ tục tái cấp vốn:

a) Ngân hàng Nhà nước ký hợp đồng tái cấp vốn nguyên tắc về cho vay hỗ trợ nhà ở với từng ngân hàng;

b) Định kỳ chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng, ngân hàng báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở theo Phụ lục số 01 kèm theo Thông tư này về Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) làm cơ sở để Ngân hàng Nhà nước giải ngân hoặc thu hồi nợ tái cấp vốn;

c) Trường hợp giải ngân tái cấp vốn:

i) Ngân hàng có văn bản đề nghị vay tái cấp vốn gửi kèm theo báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở;

ii) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ của ngân hàng, Vụ Tín dụng chủ trì xin ý kiến của Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng về đề nghị vay tái cấp vốn của ngân hàng;

iii) Trong thời hạn tối đa 02 ngày làm việc, các đơn vị nêu tại điểm c(ii) khoản này có ý kiến bằng văn bản gửi Vụ Tín dụng để tổng hợp trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định phê duyệt số tiền tái cấp vốn cho ngân hàng;

iv) Căn cứ vào quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và hợp đồng tái cấp vốn nguyên tắc về cho vay hỗ trợ nhà ở giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng, trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, Sở giao dịch Ngân hàng Nhà nước thực hiện giải ngân và ngân hàng ký khế ước nhận nợ đối với khoản tái cấp vốn được giải ngân.

d) Trường hợp thu nợ tái cấp vốn:

i) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở của ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) xác định và thông báo cho Sở Giao dịch Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng về số tiền nợ gốc tái cấp vốn ngân hàng phải hoàn trả Ngân hàng Nhà nước;

ii) Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo của Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng), ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả nợ gốc tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước;

iii) Việc thu nợ gốc tái cấp vốn được tính giảm trừ lần lượt vào các khế ước nhận nợ của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước theo thứ tự thời gian của các khế ước nhận nợ, tính từ khế ước nhận nợ đầu tiên;

iv) Đến ngày 01/6/2023, ngân hàng phải hoàn trả toàn bộ nợ gốc và lãi vay tái cấp vốn cho Ngân hàng Nhà nước.

6. Xử lý đối với việc không trả nợ đúng hạn:

Trường hợp ngân hàng vi phạm việc trả nợ gốc và lãi theo quy định tại Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chuyển khoản nợ (gốc và lãi) sang nợ quá hạn và áp dụng theo mức lãi suất nợ quá hạn, kể từ ngày quá hạn. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước thực hiện thu hồi khoản nợ quá hạn theo các thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích tài khoản tiền gửi của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước;

b) Thu nợ gốc và lãi từ các nguồn khác (nếu có) của ngân hàng;

c) Các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

## **Chương IV**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 9. Trách nhiệm của khách hàng**

1. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật về vay hỗ trợ nhà ở và các cam kết trong hợp đồng tín dụng với ngân hàng.

2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, tài liệu cung cấp cho ngân hàng để thẩm định và quyết định cho vay.

#### **Điều 10. Trách nhiệm của ngân hàng**

1. Ban hành văn bản hướng dẫn về cho vay hỗ trợ nhà ở trong hệ thống, phù hợp với các quy định của Thông tư này và pháp luật có liên quan.

2. Theo dõi, hạch toán, quản lý riêng việc cho vay hỗ trợ nhà ở.

3. Định kỳ chậm nhất vào ngày 05 hàng tháng, gửi Ngân hàng Nhà nước (Vụ Tín dụng) báo cáo kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở và chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

4. Sau khi thẩm định và dự kiến quyết định cho vay đối với doanh nghiệp, ngân hàng gửi báo cáo dự kiến cho vay đối với doanh nghiệp theo Phụ lục số 02 kèm theo Thông tư này về Ngân hàng Nhà nước và chỉ được ký hợp đồng đối với doanh nghiệp sau khi được Ngân hàng Nhà nước thông báo còn nguồn tái cấp vốn dành cho đối tượng này.

### **Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước**

#### 1. Vụ Tín dụng:

a) Chủ trì, phối hợp với Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng trong việc tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Định kỳ hàng tháng tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, đồng gửi Vụ Chính sách tiền tệ, Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng về kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở của ngân hàng;

c) Đề xuất biện pháp theo dõi để tham mưu cho Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định tổng số tiền tái cấp vốn cụ thể và thời điểm kết thúc giải ngân tái cấp vốn theo quy định tại Thông tư này;

d) Theo dõi, tổng hợp nhu cầu vốn cho vay của ngân hàng đối với doanh nghiệp. Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của ngân hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư này, thông báo cho ngân hàng về nguồn tái cấp vốn dành cho đối tượng này.

#### 2. Vụ Chính sách tiền tệ:

a) Phối hợp với Vụ Tín dụng và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này;

b) Chủ trì, phối hợp với Vụ Tín dụng, Cơ quan thanh tra, giám sát ngân hàng xác định và trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước mức lãi suất cho vay hỗ trợ nhà ở quy định tại khoản 3 Điều 4 Thông tư này.

#### 3. Sở Giao dịch:

a) Soạn thảo và thực hiện ký kết hợp đồng nguyên tắc về cho vay hỗ trợ nhà ở giữa Ngân hàng Nhà nước và ngân hàng; giải ngân, thu nợ gốc; tính, thông báo và thu lãi; hạch toán và theo dõi khoản tái cấp vốn hỗ trợ nhà ở đối với ngân hàng;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện Thông tư này.

#### 4. Vụ Tài chính Kế toán:

Chủ trì xử lý về hạch toán kế toán liên quan đến cho vay hỗ trợ nhà ở theo quy định tại Thông tư này.

**5. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng:**

a) Thực hiện thanh tra, giám sát việc cho vay của ngân hàng đối với khách hàng theo quy định của Thông tư này và các văn bản pháp luật có liên quan;

b) Phối hợp với Vụ Tín dụng và các đơn vị có liên quan xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này.

6. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo dõi và phối hợp xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện cho vay hỗ trợ nhà ở trên địa bàn.

**Điều 12. Điều khoản thi hành**

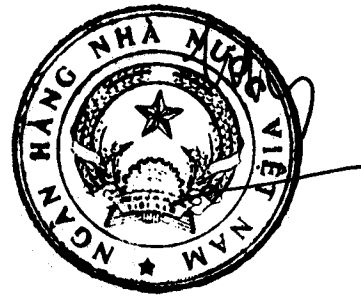
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 06 năm 2013.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng và thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước; Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc ngân hàng thương mại nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ; các đối tượng được hỗ trợ vay vốn về nhà ở chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. *ml*

**Nơi nhận:**

- Như Khoản 2 Điều 12;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng (để báo cáo);
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng trung ương Đảng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước
- Bộ Xây dựng (để phối hợp thực hiện);
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch Đầu tư, Lao động Thương binh và xã hội;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Lưu VP, Vụ TD.

**THÔNG ĐỐC**  
**PHÓ THÔNG ĐỐC**



**Nguyễn Đông Tiến**



**KẾT QUẢ CHO VAY HỖ TRỢ NHÀ Ở THEO THÔNG TƯ SỐ ...../2013/TT-NHNN**  
**Tháng ..... năm .....**

Tổng dư nợ cho vay hỗ trợ nhà ở theo Nghị quyết 02/NQ-CP đến ngày ..... là: ..... tỷ đồng, chiếm tỷ trọng .....% tổng dư nợ cho vay của ngân hàng, trong đó:

- Dư nợ cho vay hỗ trợ nhà ở từ nguồn vốn của ngân hàng là ..... tỷ đồng;

- Dư nợ cho vay hỗ trợ nhà ở của ngân hàng từ nguồn tái cấp vốn của NHNN là ..... tỷ đồng. Dư nợ tái cấp vốn hỗ trợ nhà ở của ngân hàng tại Ngân hàng Nhà nước là ..... tỷ đồng. Chi tiết kết quả cho vay hỗ trợ nhà ở từ nguồn tái cấp vốn của NHNN theo bảng dưới đây.

							<i>Đơn vị: tỷ đồng</i>	
STT	Tên chi nhánh	Tên khách hàng	Ngày vay	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình (5)	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình (6)	Dư nợ (7)	Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng (8)	Ghi chú (9)
I	<b>Cho vay đối với khách hàng là đối tượng thu nhập thấp, cán bộ công chức, viên chức, lực lượng vũ trang để mua, thuê, thuê mua nhà ở</b>							
I	<i>Cho vay mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội</i>							
1.1	Chi nhánh A	Nguyễn Văn A						
		...						
1.2	Chi nhánh B	Nguyễn Văn B						
		...						
...	...	...						
<b>Tổng cộng 1(1), trong đó:</b>								
Cho vay mua nhà ở xã hội								
Cho vay thuê nhà ở xã hội								
Cho vay thuê mua nhà ở xã hội								
2	<b>Cho vay thuê, mua nhà ở thương mại</b>							

STT	Tên chi nhánh	Tên khách hàng	Ngày vay	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình	Dư nợ	Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
2.1	Chi nhánh A	Nguyễn Văn A						
2.2	Chi nhánh B	Nguyễn Văn B						
...	...	...						
<b>Tổng cộng 2(I), trong đó:</b>								
Cho vay thuê nhà ở thương mại								
Cho vay mua nhà ở thương mại								
<b>Tổng cộng I</b>								
<b>II</b>	<b>Cho vay đối với khách hàng doanh nghiệp là chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội, dự án nhà ở thương mại được chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội</b>							
<b>I</b>	<b>Cho vay dự án xây dựng nhà ở xã hội</b>							
1.1	Chi nhánh A	Doanh nghiệp A						
1.2	Chi nhánh B	Doanh nghiệp B						
...	...	...						
<b>Tổng cộng 1(II)</b>								
<b>2</b>	<b>Cho vay dự án nhà ở thương mại được chuyển đổi công năng sang dự án nhà ở xã hội</b>							
2.1	Chi nhánh A	Doanh nghiệp A						
2.2	Chi nhánh B	Doanh nghiệp B						

STT	Tên chi nhánh	Tên khách hàng	Ngày vay	Doanh số cho vay lũy kế từ đầu chương trình (5)	Doanh số thu nợ lũy kế từ đầu chương trình (6)	Dư nợ (7)	Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng (8)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
...	...	...						
Tổng cộng 2(II)								
Tổng cộng II								
III	Tổng cộng (I+II)							

Ghi chú:

- Ngày số liệu là ngày cuối cùng của tháng báo cáo;
- Tổng dư nợ cho vay của ngân hàng được lấy theo số liệu ngân hàng báo cáo Vụ Dự báo, thống kê tiền tệ hàng tháng.

Lập biểu

Kiểm soát

..... Ngày..... tháng..... năm 20....

Ngân hàng

(Người đại diện hợp pháp của ngân hàng ký tên và đóng dấu)

NGÂN HÀNG.....

PHỤ LỤC SỐ 02

**DỰ KIẾN CHO VAY ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP**

STT	Doanh nghiệp	Địa điểm dự án	Mục đích vay vốn	Số tiền dự kiến cho vay	Số tiền dự kiến giải ngân từ nguồn tái cấp vốn	Số tiền dự kiến giải ngân từ nguồn vốn của ngân hàng
1	Doanh nghiệp A	Hà Nội	Đầu tư dự án xây dựng nhà ở xã hội	...	...	...
2	Doanh nghiệp B	...	...	...	...	...
3	...	...	...	...	...	...
<b>TỔNG CỘNG</b>				...	...	...

..... Ngày..... tháng..... năm 20...

Lập biểu

Kiểm soát

Ngân hàng  
(Người đại diện hợp pháp của ngân hàng  
ký tên và đóng dấu)

